

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 602/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-DS ngày 04/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/QĐST-DS ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; thường trú: phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1972; thường trú: phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1954 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1979 (vắng mặt);

- Cháu Phạm Thị Trúc A, sinh năm 2003;

- Cháu Phạm Anh T1, sinh năm 2005.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Trúc A và Phạm Anh T1: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Thúy K (là cha, mẹ của cháu) (vắng mặt).

Cùng thường trú: Phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Thông qua một người quen biết bà Nguyễn Thị L, vào tháng 3/2018 ông Phạm Văn T có đến nhà bà L đặt vấn đề vay số tiền 700.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Sau nhiều ngày suy nghĩ, đến ngày 21/3/2018 ông T lại đến nhà bà L đề nghị vay số tiền 700.000.000 đồng và được bà L đồng ý. Ông T lập giấy mượn viết tay có lẫn tay và ký tên vào giấy mượn tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay 25.000.000 đồng/tháng, thời hạn thanh toán là 03 tháng kể từ ngày 21/3/2018 đến ngày 21/6/2018. Khi bà L giao tiền cho ông T vay thì ông T có giao cho bà L một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BG 737139, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01698 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) D cấp ngày 20/6/2012 cho hộ ông Phạm Văn H. Mục đích ông T cầm cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là để làm tin, khi bà L hỏi ông T về việc chủ hộ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Phạm Văn H chứ không phải đứng tên ông T thì ông T cho rằng “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phạm Văn H chứ không phải cấp cho cá nhân ông H nên ông T là thành viên của hộ thì cũng có một phần trong diện tích đất cấp cho hộ ông H”, nghe ông T giải thích như vậy nên bà L tin và giao tiền cho ông T vay.

Đến ngày 21/4/2018, ông T trả cho bà L được một tháng tiền lãi là 25.000.000 đồng. Từ đó về sau, ông T không trả lãi và đến hạn thanh toán tiền vay thì ông T cũng không trả tiền vay, lãi vay cho bà L theo như thỏa thuận. Bà L nhiều lần yêu cầu ông T trả lại toàn bộ tiền vay và tiền lãi nhưng ông T tìm đủ lý do để hứa hẹn và tránh mặt bà L. Việc ông T không trả nợ cho bà L theo như thỏa thuận đã gây thiệt hại rất lớn cho bà L bởi vì số tiền mà bà L cho ông T vay là số tiền bà L phải đi vay của một người khác và phải chịu lãi suất 3%/tháng để cho ông T vay.

Đến nay, giữa bà L và ông T không tự thương lượng được với nhau, ông T không có thiện chí hợp tác nên bà L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T trả cho bà L số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 21/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính là 136.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu tạm tính là 836.500.000 đồng.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BG 737139, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01698 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) D cấp ngày 20/6/2012 cho hộ ông Phạm Văn H: Bà L đồng ý trả lại cho hộ ông Phạm Văn H.

- Đối với bị đơn ông Phạm Văn T: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, cung cấp bản tự khai; cung cấp tài liệu chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Phạm Văn H, Nguyễn Thị Bền, Nguyễn Thị Thúy K, Phạm Thị Trúc A, Phạm Anh T1: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Ngoài ra, cần buộc nguyên đơn trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BG 737139, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01698 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 20/6/2012 cho hộ ông Phạm Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đỗ Văn M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Phạm Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, bị đơn không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ viết, chữ ký của mình trong Giấy mượn tiền ngày 21/3/2018 do nguyên đơn cung cấp.

[3] Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 21/3/2018 có chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông Phạm Văn T, Tòa án xác định: Ngày 21/3/2018, ông Phạm Văn T có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 700.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng, việc vay mượn có tính lãi 25.000.000 đồng/tháng.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Khoản vay trên đến hạn vào ngày 21/6/2018, bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán số tiền vay 700.000.000 đồng cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”.

Như vậy các bên thỏa thuận số tiền lãi 25.000.000 đồng/tháng, tương ứng với lãi suất 42.86%/năm là vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận mức lãi suất vượt quá. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi tính từ ngày 21/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/9/2020 (28 tháng 25 ngày) là: $(700.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 28 \text{ tháng}) + (700.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày}) = 201.833.333 \text{ đồng}$.

Xét thấy bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 01 tháng tiền lãi với số tiền 25.000.000 đồng là vượt quá mức lãi suất quy định nên cần khấu trừ vào số tiền lãi phải thanh toán.

Số tiền lãi vượt quá quy định là: 25.000.000 đồng - (700.000.000 đồng x 20%/12 tháng) = 13.333.333 đồng.

Sau khi khấu trừ, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là: 201.833.333 đồng - 13.333.333 đồng = 188.500.000 đồng.

[5] Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BG 737139, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01698 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) D cấp ngày 20/6/2012 cho hộ ông Phạm Văn H: Quá trình tố tụng, các thành viên trong hộ ông Phạm Văn H vắng mặt và không có ý kiến gì về việc nguyên đơn đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Xét việc bị đơn ông Phạm Văn T cầm cố bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho nguyên đơn là không tuân thủ đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn có ý kiến đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Phạm Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phạm Văn T trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 888.500.000 đồng; trong đó gồm nợ gốc: 700.000.000 đồng, tiền lãi: 188.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông Phạm Văn H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BG 737139, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01698 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/6/2012 cho hộ ông Phạm Văn H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 38.655.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 18.548.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0039856 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang